

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/DS-ST

Ngày: 22 - 6 - 2020

V/v Tranh chấp hợp đồng  
dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG, TỈNH LÂM ĐỒNG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Đình Anh Vũ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Tâm;

2. Ông Nguyễn Hoàng

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nga - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Bà Phan Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm: 1984; địa chỉ: thôn Q, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1969; Địa chỉ: thôn L, xã LL, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh M trình bày:* ngày 24/9/2018 bà cho bà T vay 25.000.000đ, thời hạn trả là 24/10/2018. Đến ngày 01/10/2018 bà cho bà T vay tiếp 10.000.000đ. Bà T hứa sẽ hoàn trả khoản tiền này cho bà vào ngày 01/11/2018 nhưng đến hạn trả nợ của 02 lần vay nói trên bà M yêu cầu bà T trả nợ nhưng bà T xin khất nợ thì được bà đồng ý. Đến ngày 15/7/2019 bà T đề nghị bà cho bà T vay thêm số tiền 47.000.000đ và hứa sẽ hoàn trả số tiền này vào ngày 15/9/2019, đồng thời trả luôn cả khoản tiền 35.000.000đ đã vay trước đây. Do có quan hệ họ hàng với bà T nên bà đồng ý cho bà T vay tiền.

Tuy nhiên, từ ngày 15/9/2019 cho đến nay, bà M yêu cầu bà T trả toàn bộ số nợ nhưng bà T không trả. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả số tiền 82.000.000đ nói trên. Ngoài ra bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

*Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:* bà chỉ vay của bà M số tiền 35.000.000đ theo hai giấy vay tiền 24/9/2018 và giấy vay tiền ghi ngày 01/10/2018. Bà M cho bà vay với tiền lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/ngày. Bà đã trả lãi tiền vay của hai khoản tiền vay trên từ ngày 24/9/2018 đến khoản tháng 03/2019 thì không có khả năng trả lãi nữa nên từ tháng 03/2019 đến 15/7/2019 bà M yêu cầu bà trả nợ nhưng do không có tiền trả nên bà M đã cộng khoản nợ gốc 35.000.000đ với khoản tiền lãi của 04 tháng của khoản tiền vay 35.000.000đ này thành 47.000.000đ và viết giấy vay tiền ghi ngày 15/7/2019 và yêu cầu bà ký vào giấy vay. Sau khi ký giấy vay tiền 47.000.000đ, bà yêu cầu bà M hủy hai giấy vay tiền ghi ngày 24/9/2018 và giấy vay tiền ghi ngày 01/10/2018 thì bà M nói với bà “Dì cứ yên chí đi, để cháu xé giấy” nhưng sau đó bà M không hủy hai giấy vay số tiền 35.000.000đ mà lại dùng hai giấy này cùng với giấy vay mới ghi 47.000.000đ kiện bà. Đối với số tiền 47.000.000đ, bà cũng đã trả được cho bà M 10.000.000đ trong đó 01 lần trả 8.000.000đ và 01 lần trả 2.000.000đ nhưng không nhớ ngày trả. Bà không có chứng cứ gì để chứng minh bà chỉ còn nợ của bà M 35.000.000đ do đó nếu bà M vẫn yêu cầu bà trả 82.000.000đ thì mỗi tháng bà chỉ trả cho bà M 500.000đ cho đến khi hết nợ. Nếu bà M yêu cầu bà trả 35.000.000đ thì mỗi tháng bà sẽ trả cho bà M 2.000.000đ cho đến khi hết nợ vì hiện nay hoàn cảnh của bà rất khó khăn, phải đi làm mướn nuôi con ăn học. Ngoài ra bà không có ý kiến gì khác và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến của mình. Bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên không thể hiện ý kiến của mình tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn bà Nguyễn Thị T không thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh M về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả số tiền nợ vay 82.000.000đ và buộc bị đơn phải bồi thường tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại 82.000.000 đồng theo 03 giấy vay tiền ghi ngày 24/9/2018, 01/10/2018, 15/7/2019. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Lạc Lâm, huyện Đơn Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T theo thủ tục chung và dành quyền kháng cáo cho bà T theo quy định.

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh M, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 11/02/2020, bà Nguyễn Thị Thanh M khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà số tiền nợ vay 82.000.000 đ. Để chứng minh cho yêu cầu của mình, bà xuất trình cho Tòa án 03 bản chính “giấy vay tiền” gồm: giấy vay tiền ghi ngày 24/9/2018 thể hiện bà T vay của bà 25.000.000đ; giấy vay tiền ghi ngày 01/10/2018 thể hiện bà T vay của bà 10.000.000đ; giấy vay tiền ghi ngày 15/7/2019 thể hiện bà T vay của bà 47.000.000đ.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà T thừa nhận cả 03 giấy vay tiền nói trên đều do bà ký và viết tên vào giấy vay. Tuy nhiên, bà thừa nhận chỉ vay của bà M 35.000.000đ theo hai giấy vay tiền ghi ngày 24/9/2018 và giấy vay tiền ghi ngày 01/10/2018 với lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/ngày. Bà đã trả lãi cho bà M từ ngày vay 24/9/2018 đến khoản tháng 03/2019 thì ngưng.

Đối với số tiền 47.000.000đ của giấy vay tiền ghi ngày 15/7/2019 phát sinh do từ tháng 03/2019 đến 15/7/2019 bà không có tiền trả lãi nên bà M đã cộng khoản nợ gốc 35.000.000đ với khoản tiền lãi trong 04 tháng của khoản tiền vay 35.000.000đ này thành 47.000.000đ và viết giấy vay tiền ghi ngày 15/7/2019 và yêu cầu bà ký vào giấy vay. Bà có yêu cầu bà M hủy hai giấy vay tiền ghi ngày 24/9/2018 và 01/10/2018 nhưng bà M không hủy mà dùng hai tờ giấy này cùng với giấy vay mới ghi 47.000.000đ kiện bà. Đối với số tiền 47.000.000đ, bà cũng đã trả được cho bà M 10.000.000đ trong đó 01 lần trả 8.000.000đ và 01 lần trả 2.000.000đ nhưng không nhớ ngày.

Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh M cho rằng cả 03 khoản tiền vay nói trên bà T vay trong 03 lần, không liên quan gì đến nhau. Ngoài ra do quan hệ họ hàng nên bà cho bà T vay tiền cũng mang tính chất giúp đỡ mà không yêu cầu trả lãi nên bà cũng chưa bao giờ yêu cầu bà T trả lãi. Bà T cũng không có chứng cứ gì chứng minh số tiền vay 47.000.000đ ghi ngày 15/7/2019 là khoản tiền phát sinh từ số tiền lãi của khoản vay 35.000.000đ và cũng không có chứng cứ gì chứng minh bà vay của bà T 35.000.000đ trả lãi 3000đ/1.000.000đ/ngày. Mặt khác, tại biên bản hòa giải

ngày 22/5/2020, bà T còn cho rằng nếu bà M yêu cầu bà trả 82.000.000đ thì mỗi tháng bà chỉ trả cho bà M 500.000đ còn nếu bà M yêu cầu bà trả 37.000.000đ thì mỗi tháng bà sẽ trả 2.000.000đ cho đến khi hết nợ. Điều đó thể hiện ý thức của bà vẫn thừa nhận số tiền nợ 82.000.000đ. Do đó, những lời trình bày của bà T không có căn cứ để xem xét.

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh M số tiền 82.000.000đ là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, Căn cứ khoản 1 Điều 12; khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 và các Điều 146, 147, 220, 227, 228, 262, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 357, các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 12; khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh M số tiền 82.000.000đ (tám mươi hai triệu đồng).

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải bầu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu 4.100.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Thanh M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.050.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0016128 ngày 04/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự .*

## **CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

## **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Tâm**

**Nguyễn Hoàng**

**Lê Đình Anh Vũ**

***Nơi nhận:***

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Đình Anh Vũ**